

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG; CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)



A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (19 TTHC)

I. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG (15 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (1.014879)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 10 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 07 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&CN. - Thông tư số 54/2025/TT-BKH&CN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
2.	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (1.014880)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 07 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKH&CN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường (1.014881)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ	Không	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				công trực tuyên toàn trình.		23/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4.	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (1.014882)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 10 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 07 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
5.	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường (1.014883)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 07 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 54/2025/TT-BKHHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
6.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viện đo lường (1.014885)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHHCN ngày 31/12/2025 của Bộ KH&CN.
7.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (1.014888)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 07 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
8.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (1.014889)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 07 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
9.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (1.014891)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
10.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 07 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	(1.014892)	hợp lệ: 03 ngày làm việc		công trực tuyên toàn trình.		16/01/2026 của Chính phủ.
11.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (1.014893)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 07 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
12.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (1.014894)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
13.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (1.014895)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 07 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc	công cấp tỉnh, cấp xã	chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
14.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (1.014896)	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 07 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
15.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (1.014897)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ (04 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	60 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Luật Công nghiệp công nghệ số. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.
2.	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Muộn nhất 15 ngày trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm sau khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Luật Công nghiệp công nghệ số. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3.	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	15 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Luật Công nghiệp công nghệ số. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.
4.	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	15 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Luật Công nghiệp công nghệ số. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (3.000450)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 05 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc 	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo lường số 04/2011/QH13; - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, quy trình nội bộ giải quyết TTHC

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>	
2.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (3.000463)	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13; - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, quy trình nội bộ giải quyết TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3.	Thủ tục chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (3.000452)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13; - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, quy trình nội bộ giải quyết TTHC

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (19 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1.	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (3.000469)	Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc thẩm	- Thông tư số 54/2025/TT-BKHHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về hoạt động kiểm định, tiêu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
2.	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (3.000470)		

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
3.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường (3.000471)	quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng	
4.	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (3.000488)		
5.	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường (3.000472)		
6.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (3.000473)		
7.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000453)		
8.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000451)		
9.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000454)		

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
10.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (3.000461)		
11.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (3.000462)		
12.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (3.000464)		
13.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000458)	Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
14.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000460)		
15.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000459)		
16.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng (3.000455)		

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
17.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng (3.000456)		
18.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng (3.000457)		
19.	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia (2.001269)	Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng	Thông tư số 03/2026/TT-BKHHCN ngày 12/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Tổng số danh mục TTHC công bố	41	TTHC
Trong đó:		
Công bố mới:	19	TTHC
Sửa đổi, bổ sung:	03	TTHC
Bãi bỏ:	19	TTHC
Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình:	19	TTHC
TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính:	19	TTHC